TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 198/2024/DS-ST
Ngày: 22 - 7- 2024
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng dân sự góp họ (hụi)"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Hôm
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Mẫn
2. Ông Huỳnh Hoàng Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Nhan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang không tham gia phiên tòa

Trong ngày 22 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 71/2024/TLST - DS ngày 01 tháng 3 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự góp họ (hụi)"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 222/2024QĐXXST-DS, ngày 01 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đào Thị Ch, sinh năm: 1981; địa chỉ: ấp Thạnh Hiệp, xã Thạnh Lộc, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm: 1965; địa chỉ: ấp Thạnh Nguyên, xã Thạnh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên Tòa, nguyên đơn Chị Đào Thị Ch trình bày: Năm 2021 chị có tham gia chơi hụi do bà Nguyễn Thị Clàm chủ và bà Ccòn thiếu chị số tiền là 102.000.000 đồng. Ngày 08/6/2023 bà Ctrả cho chị được số tiền là 20.000.000 đồng, sau đó chị và bà Cthỏa thuận cấn trừ tiền hụi số tiền 15.000.000 đồng. Hiện nay bà Ccòn nợ chị số tiền hụi là 67.000.000 đồng

Chị đã nhiều lần gặp bà Cyêu cầu giao trả lại số tiền hụi trên nhưng bà Cchỉ hứa cho qua chuyện. Nay xét thấy quyền và lợi ích hợp pháp của chị bị xâm phạm nên chị khởi kiện yêu cầu bà Cgiao trả cho chị số tiền hụi còn nợ là 67.000.000 đồng, chị không yêu cầu tính lãi.

Tại bản khai cũng như tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Ctrình bày: Bà xác định bà có đứng ra làm chủ hụi, chị Ch có tham gia là hụi viên và việc chị Ch xác định bà có trả tiền cũng như cấn trừ tiền hụi của hai bên là đúng sự thật. Bà thừa nhận hiện nay bà còn nợ chị Ch số tiền hụi là 67.000.000 đồng

Nay chị Ch khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền trên cho chị Ch thì bà cũng đồng ý trả nhưng bà xin được trả dần làm 03 lần trong thời hạn là 03 năm, mỗi năm trả một lần vì hiện nay bà không có khả năng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Chị Đào Thị Ch khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Cgiao trả số tiền nợ hụi là 67.000.000 đồng nên đây được xác định là tranh chấp về hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự; bà Clà bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về nội dung vụ án:

Chị Đào Thị Ch khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Cgiao trả số tiền nợ hụi là 67.000.000 đồng. Bà Cthừa nhận số nợ trên và đồng ý trả cho chị Ch, chứng tỏ giữa chị Ch và bà Cđã thống nhất với nhau về số nợ phải trả nên đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh được quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ đó, có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Ch, buộc bà Cgiao trả số tiền nợ hụi cho chị Ch là 67.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 11, Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015. Chị Ch không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Kể từ ngày chị Ch có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Cchậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bà Ccòn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả của số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí. Yêu cầu của chị Ch được chấp nhận nên bà Cphải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền 67.000.000 đồng x 5% = 3.350.000 đồng. Bà Cphải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.350.000 đồng.

Hoàn trả lại cho chị Ch tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.675.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005762 ngày 29/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 266, Điều 269, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 4 Điều 11, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 23 Nghị định 19/2019/NĐ - CP ngày 19/12/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Chị Đào Thị Ch đối với bà Nguyễn Thị Cưỡng.

Buộc bà Nguyễn Thị Cgiao trả cho Chị Đào Thị Ch số tiền nợ hụi là 67.000.000 đồng (sáu mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày chị Ch có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Cchậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bà Ccòn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả của số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Buộc bà Nguyễn Thị Cnộp tiền án phí sơ thẩm có giá ngạch là 3.350.000 đồng (ba triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho Chị Đào Thị Ch tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.675.000 đồng (một triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005762 ngày 29/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22-7-2024).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị Cchế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b, 7d và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Thi hành án dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Dương Văn Hôm